Đời sống tín ngưỡng tín đồ phật tử Nghệ An qua tư liệu văn bia

ISSN: 2734-9195 10:05 05/07/2026

Những người này đều có điểm chung là tin vào giáo lý nhà Phật, sẵn sàng cúng tiền ruộng, tài sản để được làng bầu làm hậu Phật cho bản thân hoặc gửi giỗ cho ông bà, cha mẹ và những người thân khác trong gia đình.

Tác giả: **Nguyễn Quang Khải**

Nguyên Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh (cũ)

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 07/2026

Tóm tắt: Tìm hiểu đời sống **tín ngưỡng** của tín đồ Phật giáo trên tư liệu văn bia, chúng ta biết được thân thế, hoàn cảnh gia đình, địa vị xã hội của các vị hội chủ, đàn na tín thí, tài sản công đức, quá trình sử dụng, cách sử dụng tài sản công đức,...

Từ khóa: Tín đồ, phật tử, văn bia, Nghệ An, Phật giáo, tài sản, công đức...

Theo sách Văn bia Nghệ An(1), Nghệ An còn giữ được 165 bia và bản dịch văn bia, trong đó, có 32 bia miếu đền, 29 bia từ đường, 29 bia văn từ văn chỉ, 18 bia đình, 16 bia chùa, 13 bia cầu, 13 bia mộ và 12 bia có các nội dung khác. Còn theo sách Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm(2) thì Nghệ An có 84 văn bia các loại, trong đó có 12 văn bia Phật giáo(3) (chưa kể các văn bia chưa được in trong 21 tập sách trên).



Ảnh: Sưu tầm

Các thác bản văn bia đó chứa đựng nhiều tư liệu quý. Trong bài viết, tác giả tập trung nội dung tư liệu tìm hiểu đời sống tín ngưỡng của tín đồ phật tử, văn hóa Phật giáo đã có tác động đến văn hoá làng xã như thế nào trong những giai đoạn lịch sử ghi trên văn bia.

1. Tín đồ Phật giáo Nghệ An - họ là ai?

1.1. Con em của những gia đình quan chức

Tìm hiểu nội dung trùng tu của một số chùa, thấy tài sản công đức tiền ruộng vào chùa là loại tài sản phổ biến. Chẳng hạn, văn bia "Trùng tu Bảo Quang tự bi/Thập phương tín thí công đức" 重修寶光寺碑/ 十方信施 功德 (KH: 2389/ 2390) được soạn ngày tốt tháng Sen (4) năm Vĩnh Tộ thứ 3 (1621) ghi họ tên những người công đức là con em, cháu của gia đình Nguyễn Hùng Tài:

Phủ sinh Vệ uý Văn Thịnh nam Nguyễn Hùng Vĩ, Tiếncông lang Tây Kinh viên Thiên tôn Quán Đạo lộc Lục ti Đạo nhiễu Văn Liễn nam Nguyễn Hùng Cương hiệu Huyền Thông tự Huệ Nhân, Nguyễn Thị Quan, Nguyễn Thị Lý, Nguyễn Thị Lâm, Lê Thị Thái, Trần Thị Uy, Lê Thị Trạch, Dương Thị Tràng, Nguyễn Phát, Nguyễn Doãn Phát, Nguyễn Điều.

Những người cháu của Nguyễn Hoằng Tài: Vệ uý Văn Thuần nam Nguyễn Hoằng Lâm, Quảng Nghĩa tử Lê Hạng, Giám sinh Nguyễn Độ Việt, Đạo sĩ Nguyễn

Hoằng Hiến, Lệnh sử Lê Như Lâm, Phủ sinh Trần Dương Thiện, Nguyễn Thị Bích, Nguyễn Thị Toàn, Nguyễn Thị Triều, Nguyễn Thị Dậu, Diên Thị Dực, Nguyễn Thị Nhu, Nguyễn Truỳ, Nguyễn Thị Ngọ, Nguyễn Hoằng Nghĩa.

Con em của gia đình quan Tuần phủ Thuyên Vũ bá Nguyễn Hoằng Nhân: Quan viên tử Nguyễn Hoằng Mô, Nguyễn Hoằng Tráng, Nguyễn Hoằng Từ, Nguyễn Hoằng Liễu, Nguyễn Hoằng Đương, Nguyễn Thị Lộc, Lê Thị Mịch, Nguyễn Thị Lữ, Lê Thị Nghi, Trần Thị Vinh, Lê Thị Xem, Nguyễn Thị Liễu, Nguyễn Thị Dương, Hùng Lĩnh bá Trần Khắc Chí.

1.2. Phật tử công đức ruộng, đất vườn vào chùa

Văn bia "Trùng tu Phúc Quang tự bi/ Tín thí (重修寶 光寺碑/信施-KH: 8222/8223) cho chúng ta biết có nhiều người cúng ruộng vào chùa Phúc Quang trong dịp làng trùng tu chùa vào năm Thuận Đức nguyên niên (1600): Tôn Sản, Vũ Quận, Ứng Hà Xuyến, Tôn Vạn, Vũ Chi, Hoàng Nghĩa, Hoàng Đối, Phạm Tán vợ là Trần Thị Hào, Nguyễn Thị Lực, Thân Văn Khánh, Trần Cảnh Giới, Bạch Hưng Nhân, Nguyễn Bá Hiền, Trần Phúc Cơ, Nguyễn Thị Vĩnh, Lê Thị Gái, Nguyễn Văn Huệ vợ là Trần Thị Lộc; Hữu Từ thừa Trần Văn Kỵ vợ là Nguyễn Thị Chiêm; Mai Văn Ký vợ là Hoàng Thị Hồng; Nguyễn Đức Mậu vợ là Dương Thị Nữ; Trần Sĩ Thuật vợ là Lê Thị Duyên, Nguyễn Thanh Dương, Nguyễn Công Địch vợ là Nguyễn Thị Thành, Trần Duy Đoan, Trần Duy Thái, Hoàng Bá Dòng, Ngô Đình Phục,...

Ngoài ra, một số phật tử ở một số làng xung quanh cúng tiền để xây dựng chùa.

1.3. Một số trí thức và gia đình quan chức triều đình

Văn bia "Chung Sơn Bảo Quang tự bi/Thập phương tín thí công đức" 鍾山寶光寺/十 方信施功德 - KH:2389/2390) dựng vào tháng 9 (tháng Sen) năm Vĩnh Tộ thứ 3 (1621), do Thượng thư bộ Hình kiêm Đông các Đại học sĩ, Tế tửu Quốc Tử giám Nghĩa Khê hầu Trụ quốc Tuyết Đường Nguyễn Lễ tự Thuần Khanh soạn cho chúng ta biết có nhiều vị quan chức triều đình công đức tiền ruộng vào việc trùng tu chùa. Cụ thể:

Ngài Quang tiến Thận lộc Đại phu Thái Thường tự Thiếu khanh Văn Tuấn tử Nguyễn Hoằng Tài tự Phúc Sinh; Quyền Trấn thủ xứ Nghệ An Dương Vũ Uy nam công thần Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm Y vệ, Đô Chỉ huy sứ Tư đô chỉ huy sứ Thự Vệ sự Mỹ Dương hầu Hoàng Nghĩa Phúc ở xã Dương Xá huyện Hưng Nguyên cùng phu nhân là Hoàng Thị Ngọc Chất; Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Cẩm y vệ Đô Chỉ huy sứ Ti đô Chỉ huy sứ Hữu Hiệu điểm Dương Mậu Thịnh,... bỏ tiền của nhà mua gỗ mướn thợ xây chùa, tạo tượng,...

Văn bia “Thập phương công đức”□ 十方功德 - KH 2390) cho biết có một số vợ chồng quan chức triều đình công đức tiền của cho làng trong những dịp làng trùng tu chùa: Phu nhân của vị Tả Đô đốc Đông quân Đô đốc phủ Trấn thủ xứ Thanh Hoa Thiếu phó Thuỵ Quận công Trịnh Văn Liêu phu nhân là Đào Thị Ngọc Nghi, Đào Thị Tiến; phu nhân của ngài Hữu Đô đốc Bắc quân Đô đốc phủ Lê Thị Ngọc Tiết, Quảng Phú hầu Nguyễn Cảnh Hà, Quận chúa Trịnh Thị Ngọc Thanh, Vệ phó Lê Văn Triệt vợ là Lê Thị Ngạn, Câu đương sĩ Trần Thân vợ là Trần Thị Bển; Cẩn Nghĩa nam Nguyễn Trọng Thưởng vợ là Nguyễn Thị Tại.

Như vậy, tín đồ Phật giáo bao gồm nhiều thành phần xã hội của làng xã, từ người dân lao động bình thường đến các quan chức triều đình; từ người có trình độ học vấn đến người dân mù chữ. Tuy khác nhau về địa vị xã hội, họ có điểm chung là mộ đạo, đều tìm thấy ý nghĩa của việc đóng góp công sức tiền của để trùng tu tôn tạo cơ sở thờ Phật giáo để vừa là nhằm thể hiện sự tôn kính đức Phật, các vị Bồ tát Thánh Tăng,... vừa là để tạo cảnh quang trù phú cho làng.

2. Cách thể hiện đời sống tín ngưỡng trong Phật giáo

2.1. Công đức tiền ruộng trong những dịp làng trùng tu tôn tạo chùa

Ngày xưa, nhiều làng ở Nghệ An có chùa. Chùa là nơi để thờ Phật, các vị Bồ tát, Thánh Tăng, La hán, các vị sư tổ, các vị hậu và những người được con cháu gửi giỗ. Chùa được xây dựng bằng vật liệu tốt, nhưng lâu ngày bị mưa gió và khói lửa chiến tranh làm hư hỏng nên phải trùng tu tôn tạo nhiều lần. Trong những lần trùng tu tôn tạo đó, nhiều người có tâm đức công đức tiền ruộng vào chùa.

Xin đơn cử:

Trong việc công đức trong những dịp trùng tu tôn tạo chùa, có nhiều người tham gia, trong đó có nhiều thành phần xã hội khác nhau. Văn bia “Danh lam bi ký” (名藍碑記-KH: 2633), có ghi các vị quan viên hương lão sắc mục, danh chức, trên dưới, nam nữ lớn bé thôn Hộ Viên, xã Đô Lương, huyện Nam Đường, phủ Anh Đô cùng các vị thập phương công đức ruộng vườn dưới đây:

Mọi người trên dưới trong thôn công đức 2 thửa ruộng là 8 sào toạ lạc tại nội tự.



Ảnh: Sưu tầm

Bản thôn Hội chủ Nhiêu nam Cựu Xã chính Thái Đình Đăng tự Phúc Đức vợ là Bùi Thị Cảnh hiệu Diệu Phượng; Nguyễn Thị Hến hiệu Diệu Đa công đức hai thửa ruộng cộng là 1 mẫu (một thửa 4 sào tại nội tự, một thửa 6 sào tai xứ Mỗi Bạc). Tri bạ Nguyễn Hữu Nho người thôn Cẩm Hoa thuộc bản xã công đức đất vườn cau 1 sào rưỡi toạ lạc ở giữa làng. Bá hộ bản xã Phạm Đình Khán tự Huệ Dũng và mọi người trong họ công đức 1 sào đất vườn toạ lạc tại xứ Thang Mỗi. Sinh đồ bản thôn là Trịnh Quốc Nghị vợ là Lê Thị Tốt công đức 3 sào ruộng toạ lạc tại xứ Lỗi Chử. Quan viên tôn bản thôn Trùm xã Nguyễn Cảnh Lang tự Pháp Địch vợ là Lê Thị Miễn, Nguyễn Thị Phạp công đức 1 mẫu ruộng 3 thửa liền nhau toạ lạc tại xứ Đống Bạn thuộc địa phận xã Sơn La. Nguyễn Thị Sự thôn Nghiêm Thắng thuộc bản xã công đức 1 mẫu ruộng gồm 3 thửa liền nhau toạ lạc tại xứ Đống Bạn thuộc địa phận xã Sơn La. Tri sự Dương Đình Sĩ người xã Hà Liễu huyện Thanh Trì phủ Thường Tín có nhà ở thôn Vĩnh Sơn huyện Nam Đường công đức 4 sào 3 thước ruộng toạ lạc tại xứ Mỗi Bạc,...

2.2. Gửi giỗ cho cha mẹ, người thân vào chùa

Ngày xưa, ở các làng Việt, những người không có con hoặc không có con trai mà có chút tài sản thường cúng ruộng vào chùa để được bầu làm hậu Phật hoặc tự gửi giỗ cho mình vào chùa (hoặc vào đình, đền, văn chỉ, nhà thờ họ, điếm ngõ(5),...). Có trường hợp vợ gửi giỗ cho chồng, con cháu gửi giỗ cho cha mẹ, ông bà, chú bác; đệ tử gửi giỗ cho thầy,... Việc làm này, một mặt thể hiện tình thân, sự hiếu nghĩa của người dưới đối với trên, mặt khác, thể hiện niềm tin tưởng đối với cửa Phật.

Tại văn bia có tiêu đề Lưu truyền vạn đại 留傳萬代 -KH:2378), ghi lại việc có người đàn bà gửi giỗ cho người chồng tốt (lương phu) là Lê Văn Giao tự Pháp Đại và gửi giỗ cho hiển tổ khảo là Đặng Đại Lang tự Pháp Vô, cho hiển khảo Đặng Văn Biểu tự Pháp Độ, cho hiển tỉ là Trần Thị Thái hiệu Thiện Nội, cho anh trai Trịnh Văn Ngư tự Pháp Tốt, cho em gái Trịnh Thị Duyên hiệu Diệu Thiện.

Văn bia "Hậu Phật bi ký" 後 佛碑記 -KH: 2379/ 2381/ 2382), dựng vào ngày 28 tháng 11 năm Cảnh Hưng thứ 26 (1765) ghi chép về việc có vị quan Trung thừa, tự là Pháp Điều vợ hiệu là Thiện Lai nhớ ơn ân đức của tiên linh, đã cúng 2 thửa ruộng và cúng 20 quan cổ tiền cho làng để người cha tự là Pháp Thường, mẹ hiệu là Thiện Bình được bầu làm hậu Phật.

Những người gửi giỗ cho cha mẹ, người thân vào chùa này đều có điểm chung là tin vào giáo lý nhà Phật, sẵn sàng bỏ tiền để góp phần trùng tu, tu tạo chùa làng, sẵn sàng cúng tiền ruộng để được làng bầu làm hậu Phật cho bản thân hoặc gửi giỗ cho ông bà, cha mẹ và những người thân khác trong gia đình.

2.3. Giữ vai trò hưng công, Hội chủ trong các dịp làng trùng tu tôn tạo chùa

Văn bia "Trùng tu Bảo Quang tự bi/Thập phương tín thí công đức" 重修寶光寺碑/十方信施功德 - KH:2389/2390), chúng ta thấy có một số Hội chủ và phụ Hội chủ trong việc hưng công trùng tu chùa: Nguyễn Hùng Tài, Lê Thị Ngọc Trang, Hoàng Nghĩa Phúc, Ngô Thị Ngọc Đặc, Phạm Nhân Kỳ, Hoàng Thị Ngọc Bảo, Nguyễn Thị Lý, Bình Thị Đường, Nguyễn Thị Khu, Lê Thị Trúc, Nguyễn Hoằng Cương, Hoàng Nghĩa Hiến, Hoàng Nghĩa Đức, Hoàng Thị Ngọc Hạnh, Hoàng Thị Ngọc Nhân, Hoàng Thị Ngọc Nghĩa, Hoàng Thị Ngọc Liên, Trần Thị Dao, Lê Thị Trạch, Nguyễn Thị Lộc, Trần Minh, Đỗ Thị Tiên, Nguyễn Hoằng Vĩ, Lê Thị Thái, Trần Thị Uy, Nguyễn Doãn Toan, Nguyễn Thị Ly, Nguyễn Phát, Nguyễn Thị Cung, Đào Sĩ,...

Những người này đều có điểm chung là tin vào giáo lý nhà Phật, sẵn sàng cúng tiền ruộng, tài sản để được làng bầu làm hậu Phật cho bản thân hoặc gửi giỗ cho ông bà, cha mẹ và những người thân khác trong gia đình.

2.4. Soạn, viết chữ, khắc văn bia

Văn bia Phật giáo Nghệ An có một số không ghi các tác giả, một số văn bia có ghi những người soạn, viết chữ và khắc bia, giúp chúng ta biết được chút ít về tiểu sử của họ. Tìm hiểu tác giả của một số văn bia Phật giáo Nghệ An, chúng tôi được biết:

- Văn bia “Chung Sơn Bảo Quang tự bi/ Thập phương tín thí công đức (鍾山寶光寺/十 方信施功德 - KH:2389/2390) dựng vào tháng Sen (蓮月-tháng 6) năm Vĩnh Tộ thứ 3 (1621), do quan Hình bộ Thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ, Quốc Tử giám Tế tửu, Nghĩa Khê hầu Trụ quốc Tuyết Đường Nguyễn Lễ Thuần Khanh soạn; Quang tiến Thận lộc Đại phu Thái Thường tự Thiếu khanh Văn Tuấn tử Nguyễn Hoằng Tài tự Phúc Sinh viết chữ;

- Văn bia “Viên Linh thiền tự/ Danh lam bi ký” (圓靈禪 寺/名藍碑記-KH: 2632/ 2633), soạn vào ngày lành tháng Phúc Sinh năm Tân Dậu niên hiệu Cảnh Hưng (1741), do Cựu Xã chính của bản xã là Bùi Danh Hoàn soạn; trụ trì chùa Vân Thuỷ hiệu là Tính Không viết chữ.

- Văn bia “Lưu truyền vạn đại bi ký” (留傳萬代碑記-KH.8141), không ghi họ tên người soạn mà chỉ ghi họ tên (hoặc quê quán) người khắc chữ và người khắc bia, trong đó họ tên người viết chữ là viên Đề lại Thừa ti xứ Nghệ An họ Nguyễn hiệu là Thường Thanh; người khắc bia quê xã An Lợi huyện Thiệu Đông.

- Văn bia “Trùng tu Long Khánh tự bi” (重修 慶寺碑-KH: 8220/ 8221) soạn vào ngày lành tháng trọng Đông (tháng 11 nhuận) năm Nhâm Tý niên hiệu Hoằng Định thứ 12 (1612), do Tri huyện huyện Xuân Thống phủ Nghệ Đức là Tuấn Nghĩa hiệu Văn Chức, tước Văn Liễn nam Cẩn Trai Chuyết Phu soạn; Hậu nghĩa Cung Thư tử Tướng Thần sử Văn Hoà nam Lê Hữu Tài viết chữ.



Ảnh: Sưu tầm

- Văn bia “Trùng tu Phúc Quang tự bi/Tín thí” (重修福 光寺碑/ 信施-KH: 8222/ 8223) soạn vào ngày 26 tháng 6 năm Thuận Đức nguyên niên (1600), do Tiến sĩ khoa Nhâm Thìn, Triêu liệt Đại phu Nghệ An đẳng xứ Tán trị Thừa Chính sứ ti Nguyễn Dụng tự Nghi Phu soạn; Chính phủ Tướng thần lại Phạm Khắc Thiệu viết chữ; Lê Mậu Tuấn người xã Phúc Diên huyện Gia Phúc phủ Hạ Hồng đạo Hải Dương; Nguyễn Văn Thiện người xã Hội Thượng huyện Đại An phủ Nghĩa Hưng đạo Sơn Nam khắc bia.

- Văn bia “Phụng sự hậu Phật bi ký/Phụng sự hậu thần bi ký” (奉事后佛碑記/ 奉事后神碑記-KH:10099/10100), dựng vào 12 tháng 10 năm Canh Dần niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ 6 (1710) tại chùa xã Vạn Lộc huyện Nghi Lộc, do ngài Đặc tiến Kim tử Vinh lộc Đại phu, Bồi tụng, Công bộ Thượng thư Nhập thị Kinh diên Thi Khánh bá, Trụ quốc người xã Thổ Hoàng huyện Khoái Thiên xứ Sơn Nam là

Hoàng Tiểu Tiên soạn; Thư tả Tướng thần lại Nguyễn Minh Niệm người xã Phú Thị huyện Gia Lâm viết chữ; Huân Thành bá Lê Như Quang làm ở Bạt Thạch cục người xã An Hoạch huyện Đông Sơn phủ Thiệu Thiên xứ Thanh Hoa khắc bia.

Việc trùng tu tôn tạo chùa, đã cuốn hút được nhiều trí thức cao cấp của Nho giáo tham gia soạn văn bia, nhiều quan lại có trình độ học vấn Nho học viết chữ và nhiều thợ lành nghề khắc đá của triều đình tham gia khắc bia. Sức hấp dẫn của văn hoá Phật giáo trong triều Lê mà Nho giáo được coi trọng.

3. Tác động của văn hóa Phật giáo đến văn hóa làng xã

Trong quá trình du nhập và hành đạo ở Việt Nam, Phật giáo đã học hỏi, kế thừa và kết hợp với văn hoá làng xã để cùng phát huy bản chất tốt đẹp của mình trong việc giáo dục tín đồ thực hiện tôn chỉ tốt đẹp của đạo Phật. Điều đó được thể hiện ở các khía cạnh dưới đây.

3.1. Giáo dục đức tính từ bi hỷ xả, làm việc thiện lương và thể hiện tính minh bạch

Tìm hiểu văn bia Phật giáo Nghệ An thấy hầu hết các thành phần xã hội của một làng, một vùng vào việc trùng tu, tôn tạo chùa, đúc chuông, tô tượng,... dưới các hình thức: hưng công, công đức, cúng tiền ruộng để được bầu hậu, được gửi giỗ cho bản thân và cho thân nhân; đóng góp tiền ruộng để góp phấn trùng tu, tôn tạo chùa,...



Ảnh: Sưu tầm

Các văn bia ghi rất cụ thể số mẫu sào thước, tên xứ đồng, tứ cận,... Điều đó thể hiện tính minh bạch, rõ ràng, trung thực; thể hiện sự trân trọng đối với tài sản của người dân khi công đức để trùng tu tôn tạo chùa của người dân.

3.2. Góp phần giáo dục đạo lý "uống nước nhớ nguồn", tri ân công đức tổ tiên

Nhiều làng ở Nghệ An, trong thời gian dài, văn hoá Phật giáo luôn đồng hành với văn hoá Nho giáo, văn hoá Lão giáo và văn hoá làng xã. Sự đồng hành đó thể hiện ở chỗ, các tín đồ phật tử và các tăng sĩ đều tin vào giáo lý Phật giáo, tin vào những lời dạy của đức Phật và truyền thống sống có nhân đức, với đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" của văn hoá làng xã Việt. Điều đó được thể hiện ở sự chung tay góp công góp của trùng tu tu tạo chùa; tin tưởng cúng tiền, ruộng, đất vào chùa để gửi giỗ cho người thân, cho bản thân. Về phía dân làng, để tri ân những tấm lòng tốt của người dân, đã tổ chức bầu hậu Phật cho những người đã cúng ruộng vườn cho làng trong những dịp làng trùng tu chùa. Còn đối với những người có chữ nghĩa, họ đã thể hiện tấm lòng của mình bằng cách soạn văn bia, viết chữ và khắc văn bia giúp dân làng.

3.3. Phát huy và đề cao trách nhiệm của mỗi cá nhân, gia đình với làng xóm

Để phát huy và đề cao trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi gia đình đối với làng xóm, mỗi người có cách thể hiện riêng. Các sắc mục, hương lão, quan viên thì động viên khuyến khích những gia đình có hằng sản hằng tâm công đức công của, ruộng vườn để giúp làng có nhu phí trùng tu tôn tạo chùa (đình, đền, văn chỉ), người có chữ nghĩa thì soạn, viết chữ trên văn bia, người có sức khoẻ và tay nghề thì làm việc xây dựng, đục đẽo các hạng mục công trình kiến thiết chùa, người có ruộng, tiền, ao, vườn thì cúng vào chùa để làm của Tam bảo,... Điều đáng chú ý là việc công đức tiền của vào chùa của các gia đình đều có sự đồng thuận của cả gia đình, dù đó là gia đình quan chức hay gia đình bình dân, dù công đức nhiều hay ít cũng được trân trọng ghi nhận.

Tác giả: **Nguyễn Quang Khải**

Nguyên Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Bắc Ninh (cũ)

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 07/2026

***

Chú thích:

(1) Ninh Viết Gia chủ biên, NXB Nghệ An xuất bản năm 2004.

(2) Sách do Viện nghiên cứu Hán Nôm (thuộc Viện KHXH Việt Nam), Viện Cao học thực hành và Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội cộng tác xuất bản năm 2005- 2008 (gồm 21 tập có nội dung là các thác bản văn bia và tập 22 có nội dung là các thác bản minh chuông).

(3) Trong đó có: 4 bia hậu, 3 bia công đức, 3 bia trùng tu chùa, 1 bia ca ngợi cảnh chùa. Phân loại theo các tiêu chí khác nhau, chúng ta có: 5 bia 2 mặt, 4 bia 1 mặt, 1 bia 3 mặt, 1 bia 4 mặt; có 10 bia ghi niên đại, 1 bia không ghi niên đại; 6 bia ghi họ tên tác giả, 5 văn bia không ghi tên tác giả; có 3 bia không có hoa văn, 8 bia có hoa văn với các chủ đề: trán bia có hoạ tiết mặt trời mây lửa, lưỡng long chầu mặt trời, hoa cúc, dây leo liên áp. Có 3 bia có kỵ huý chữ trần , chữ đề .

(4) Tháng Sen: Liên nguyệt (蓮月): tháng 6 âm lịch

(5) Những người cúng ruộng, tiền vào chùa, được làng bầu làm Hậu Phật; cúng vào đình, đền, miếu thì gọi là Hậu Thần, cúng vào văn chỉ (từ chỉ) của làng thì được gọi là Hậu Hiền; cúng vào điếm thờ của ngõ thì được gọi là Hậu Điếm (hoặc Hậu Ngõ); cúng vào nhà thờ họ thị gọi là Hậu Tộc. (Xin xem: Nguyễn Quang Khải (2011), Tìm hiểu tục bầu hậu gửi giỗ qua tư liệu văn bia, NXB Thanh niên.

Tài liệu tham khảo:

1. Hội Văn nghệ dân gian Nghệ An (Ninh Viết Giao chủ biên, 2004), Văn bia Nghệ An, NXB Nghệ An;

2. Các văn bia: Hậu Phật bi ký (KH: 2380); Lưu truyền vạn đại (KH: 2378); Hậu Phật bi ký (KH: 2379/2381/ 2382); Chung sơn Bảo Quang tự bi/ thập phương tín thí công đức (Kh: 2389/2390); Viên Linh thiền tự/ Danh lam bi ký (KH: 2632/ 2633; vô đề (KH: 2647/ 2649/ 2648); Trường Mỹ thôn Trùng Quang tự đồng thôn bi ký (KH: 2652) trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm T. 3, NXB Văn hoá Thông tin, 2005;

3. Các văn bia: Hưng sùng tác Tịnh Sơn tự/ Lưu truyền vạn đại bi ký (KH: 8140/8141); Trùng tu Long Khánh tự bi (KH: 8220/ 8221); Trùng tu Phúc Khánh tự bi/ Tín thí (KH: 8222/ 8223) trong Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm T. 9,

NXB Văn hoá Thông tin, 2005;

4. Các văn bia: Phụng sự hậu Phật bi ký/ Phụng sự hậu thần bi ký (KH: 10.099/ 10.100)) Tổng tập thác bản văn khắc Hán Nôm T. 11, NXB Văn hoá Thông tin, 2008.